

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HỒ SƠ ĐIỆN TỬ NĂM 2026**  
*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã)*

| Số và ký hiệu hồ sơ              |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ | Ghi chú |
|----------------------------------|-----|--|-------------------|-----------------|---------|
| <b>A. VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND</b> |     |  |                   |                 |         |
| <b>I.LĨNH VỰC VĂN PHÒNG</b>      |     |  |                   |                 |         |
| 01                               | .VP | Tập lưu văn bản đi quyết định của UBND xã  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 02                               | .VP | Tập lưu văn bản đi văn bản hành chính của UBND xã  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 03                               | .VP | Sổ đăng ký văn bản đi của UBND xã  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 04                               | .VP | Sổ đăng ký văn bản đến của UBND xã   | 20 năm            | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 05                               | .VP | Tập lưu văn bản đi nghị quyết của HĐND xã  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 06                               | .VP | Tập lưu văn bản đi hành chính của HĐND xã  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 07                               | .VP | Hồ sơ xây dựng ban hành quy định, quy chế, hướng dẫn công tác hành chính, văn thư, lưu trữ cơ quan | 20 năm            | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 08                               | .VP | Hồ sơ chương trình công tác tuần, tháng, quý, năm  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương    | Điện tử |
| 09                               | .VP | Công văn chỉ đạo, điều hành của UBND xã  | Vĩnh viễn         | Chu Xuân Bằng   | Điện tử |

| Số và ký hiệu hồ sơ |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                  | Ghi chú |
|---------------------|-----|--|-------------------|--|---------|
|                     |     |  |                   | Thái Thị Dung<br>Trần Văn Thiện                  |         |
| 10                  | .VP | Hồ sơ báo cáo tháng, quý, năm của UBND xã  | Vĩnh viễn         | Chu Xuân Bằng<br>Trần Văn Thiện<br>Thái Thị Dung | Điện tử |
|                     |     | <b>II.LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN</b>   |                   |  |         |
| 11                  | .VP | Tiếp công dân định kỳ  | 5 năm             | Trần Văn Thiện                                   |         |
| 12                  | .VP | Xử lý giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo  | 20 năm            | Trần Văn Thiện                                   |         |
|                     |     | <b>III.LĨNH VỰC TƯ PHÁP</b>  |                   |  |         |
| 13                  | .VP | Xã chuẩn tiếp cận pháp luật  | Vĩnh viễn         | Trần Văn Thiện                                   |         |
| 14                  | .VP | Trợ giúp pháp lý   | 20 năm            | Trần Văn Thiện                                   |         |
| 15                  | .VP | Văn bản gửi đến để biết về hộ tịch, nuôi con nuôi.   | Vĩnh viễn         | Trần Văn Thiện                                   |         |
| 16                  | .VP | Hồ sơ triển khai thực hiện các văn bản theo quy định của pháp luật về hộ tịch, nuôi con nuôi | Vĩnh viễn         | Trần Thị Tuấn                                    |         |
| 17                  | .VP | Kế hoạch, báo cáo về công tác hộ tịch, nuôi con nuôi   | Vĩnh viễn         | Trần Thị Tuấn                                    |         |
| 18                  | .VP | Hồ sơ, tài liệu về công tác chứng thực   | 20 năm            | Trần Thị Tuấn                                    |         |
| 19                  | .VP | Hồ sơ, tài liệu về thi hành án Dân sự  | Vĩnh viễn         | Trần Thị Tuấn                                    |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ              |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                    | Ghi chú |
|----------------------------------|-------|--|-------------------|------------------------------------|---------|
| 20                               | .VP   | Hồ sơ, tài liệu về thi hành án Hành chính                    | Vĩnh viễn         | Trần Thị Tuấn                      |         |
| 21                               | .VP   | Theo dõi thi hành pháp luật                                  | 20 năm            | Trần Thị Tuấn                      |         |
| <b>IV. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH</b>    |       |  |                   |                                    |         |
| 22                               | .VP   | Quyết định phân bổ dự toán chi                               | Vĩnh Viễn         | Nguyễn Thị Lan                     | Điện tử |
| 23                               | .VP   | Quy chế chi tiêu nội bộ                                      | Vĩnh Viễn         | Nguyễn Thị Lan                     | Điện tử |
| 24                               | .VP   | Quy chế quản lý tài sản                                      | Vĩnh Viễn         | Nguyễn Thị Lan                     | Điện tử |
| <b>B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI</b> |       |  |                   |                                    |         |
| <b>I.LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>         |       |  |                   |                                    |         |
| 01                               | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế          | 20 năm            | Hồ Viết Bình, Chu Thị Thuyết       | Điện tử |
| 02                               | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về tổ chức chính quyền địa phương            | 20 năm            | Nguyễn Thanh Nhơn, Nguyễn Thị Liên | Điện tử |
| 03                               | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý cán bộ, công chức, viên chức      | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình, Chu Thị Thuyết       | Điện tử |
| 04                               | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Nguyễn Thị Liên | Điện tử |
| 05                               | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về cải cách hành chính                       | 20 năm            | Hồ Viết Bình, Phạm Văn Hưng        | Điện tử |

| Số và ký hiệu hồ sơ                              |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                         | Ghi chú |
|--|-------|--|-------------------|---|---------|
| 06   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về dân chủ, dân vận, thanh niên và bình đẳng giới                          | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn,<br>Nguyễn Thị Liên   | Điện tử |
| 07   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực văn thư, lưu trữ   | 20 năm            | Hồ Viết Bình, Lê Thị<br>Thuyết          | Điện tử |
| 08   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về thi đua, khen thưởng  | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình, Lê Thị<br>Thuyết          | Điện tử |
| 09   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội                        | 20 năm            | Nguyễn Thành<br>Nhơn, Chu Thị<br>Thuyết | Điện tử |
| 10   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực việc làm   | 20 năm            | Nguyễn Thành<br>Nhơn, Chu Thị<br>Thuyết | Điện tử |
| 11   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về an toàn, vệ sinh lao động   | 20 năm            | Hồ Viết Bình,<br>Nguyễn Thị Liên        | Điện tử |
| 12   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | 20 năm            | Nguyễn Thành<br>Nhơn, Chu Thị<br>Thuyết | Điện tử |
| 13   | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực người có công  | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn,<br>Chu Thị Thuyết    | Điện tử |
| <b>II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b> |       |  |                   |   |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                              | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                  | Ghi chú |
|---------------------|-------|--|-------------------|----------------------------------|---------|
| 14                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu chung ngành văn hóa, thể thao và du lịch | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 15                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu lĩnh vực di sản văn hóa                  | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 16                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn         | 10 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 17                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu lĩnh vực văn hóa cơ sở                   | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 18                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực gia đình                     | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 19                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực thư viện                     | 50 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 20                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực thể dục, thể thao            | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |
| 21                  | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực du lịch                      | 05 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử |

| Số và ký hiệu hồ sơ                     |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ   | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                           | Ghi chú |
|---|-------|---|-------------------|---|---------|
| 20                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | 05 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng          | Điện tử |
| <b>III. LĨNH VỰC Y TẾ</b>               |       |   |                   |   |         |
| 21                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu chung về lĩnh vực y tế                                | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 22                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực khám, chữa bệnh                           | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 23                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về dược và mỹ phẩm                                    | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 24                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về thiết bị Y tế                                      | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 25                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về y dược cổ truyền                                   | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 26                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về y tế dự phòng                                      | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 27                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về an toàn thực phẩm                                  | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 28                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về bảo hiểm y tế                                      | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 29                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về dân số   | 50 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 30                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về bà mẹ, trẻ em                                      | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| 31                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về bảo trợ và phòng chống tệ nạn xã hội               | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn.<br>Nguyễn Thị Thu Hiền | Điện tử |
| <b>IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> |       |   |                   |   |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ                     |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                      | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                  | Ghi chú         |
|---|-------|--|-------------------|----------------------------------|-----------------|
| 32                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu chung về giáo dục và đào tạo                     | 20 năm            | Hồ Viết Bình                     | Điện tử         |
| 33                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý giáo dục mầm non                      | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình                     | Điện tử         |
| 34                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý giáo dục tiểu học                     | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình                     | Điện tử         |
| 35                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý giáo dục trung học cơ sở              | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình                     | Điện tử         |
| <b>V. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO</b> |       |  |                   |                                  |                 |
| 36                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo      | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình                     | Giấy và Điện tử |
| <b>VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b> |       |  |                   |                                  |                 |
| 37                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu chung về lĩnh vực khoa học và công nghệ          | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử         |
| 38                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ | 20 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử         |
| 39                                      | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo         | 10 năm            | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng | Điện tử         |
| <b>C. PHÒNG KINH TẾ</b>                 |       |  |                   |                                  |                 |
| 01                                      | .KT   | Hồ sơ dự toán, quyết toán ngân sách, cấp phát, phân bổ ngân sách | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh, Bùi Thị Út Hàng    | Điện tử         |
| 02                                      | .KT   | VB trao đổi lĩnh vực tài chính - ngân sách, tài sản công         | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh, Bùi Thị Út Hàng    | Điện tử         |

| Số và ký hiệu hồ sơ |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ   | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ   | Ghi chú |
|---------------------|-----|---|-------------------|---|---------|
| 03                  | .KT | Hồ sơ xây dựng kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch dài hạn, hằng năm, hàng quý, hàng tháng   | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh, Bùi Thị Út Hằng                               | Điện tử |
| 04                  | .KT | Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm  | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh, Bùi Thị Út Hằng                               | Điện tử |
| 05                  | .KT | Hồ sơ chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch   | 20 Năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng                               | Điện tử |
| 06                  | .KT | Công văn trao đổi về công tác đầu tư, xây dựng  | 05 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 07                  | .KT | Báo cáo thống kê tổng hợp, thống kê chuyên đề hằng năm, chuyên đề quý, 6 tháng, 9 tháng   | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 08                  | .KT | Báo cáo điều tra cơ bản, Báo cáo phân tích và dự báo thống kê   | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Lê Thị Trinh                 | Điện tử |
| 09                  | .KT | Hồ sơ về việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND là chủ đầu tư, hồ sơ về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 10                  | .KT | Hồ sơ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND                 | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 11                  | .KT | Hồ sơ về việc giám sát, đánh giá đầu tư   | 20 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 12                  | .KT | Hồ sơ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Xây dựng; giao thông  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |
| 13                  | .KT | Hồ sơ quản lý quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất   | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung | Điện tử |

| Số và ký hiệu hồ sơ |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ   | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ   | Ghi chú |
|---------------------|-----|---|-------------------|---|---------|
| 14                  | .KT | Quản lý tài nguyên nước, Khoáng sản và Biển Hải đảo; Biến đổi khí hậu; Sự cố tràn dầu           | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Thị Thanh Sen; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung  | Điện tử |
| 15                  | .KT | Hồ sơ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương, thương mại;  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Hồ Bá Trung; Lê Thị Trinh   | Điện tử |
| 16                  | .KT | Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; Xử lý sau thanh tra kiểm tra; Xử phạt vi phạm hành chính | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị Thanh Sen; Lê Thị Trinh | Điện tử |
| 17                  | .KT | Quyết định, Thông báo cấp giấy chứng nhận QSD đất và hồ sơ chuyên môn chung                     | Vĩnh viễn         | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung                                   | Điện tử |
| 18                  | .KT | Lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Trần Thị Thanh Sen  | Điện tử |
| 19                  | .KT | Lĩnh vực chăn nuôi, thú y, động vật trên cạn  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Trần Thị Thanh Sen  | Điện tử |
| 20                  | .KT | Lĩnh vực môi trường   | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị Thanh Sen;                               | Điện tử |
| 21                  | .KT | Lĩnh vực Đê Điều, Thủy lợi, PCTT và TKCN  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Trần Thị Thanh Sen  | Điện tử |

| Số và ký hiệu hồ sơ |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ   | Ghi chú |
|---------------------|-----|--|-------------------|---|---------|
| 22                  | .KT | Lĩnh vực Lâm nghiệp, Ngư nghiệp, thủy sản,                         | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Trần Thị ThanhSen;                              | Điện tử |
| 23                  | .KT | Lĩnh vực Quản lý chất lượng, An toàn thực phẩm, Vật tư nông nghiệp | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị ThanhSen | Điện tử |
| 24                  | .KT | Hồ sơ lĩnh vực Nông thôn mới                                       | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị ThanhSen | Điện tử |
| 25                  | .KT | Hồ sơ thống kê   | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hằng; Lê Thị Trinh                                   | Điện tử |

*Danh mục hồ sơ này có 89 hồ sơ điện tử, bao gồm:*

*+ 51 hồ sơ vĩnh viễn*

*+ 38 hồ sơ có thời hạn*

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC HỒ SƠ GIẤY NĂM 2026**  
*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã)*

| Số và ký hiệu hồ sơ               |       | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ  | Ghi chú |
|-----------------------------------|-------|--|-------------------|--|---------|
| <b>I. VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND</b>  |       |  |                   |  |         |
| 01                                | .VP   | Hồ sơ về quản lý và sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương   | Giấy    |
| 02                                | .VP   | Hồ sơ bí mật nhà nước  | Vĩnh viễn         | Võ Thị Lương   | Giấy    |
| <b>II. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI</b> |       |  |                   |  |         |
| 03                                | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu gốc cán bộ, công chức, viên chức   | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình   | Giấy    |
| 04                                | .VHXH | Hồ sơ về quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo   | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thành Nhơn, Phạm Văn Hưng                               | Giấy    |
| 05                                | .VHXH | Hồ sơ, tài liệu về bí mật nhà nước   | Vĩnh viễn         | Hồ Viết Bình   | Giấy    |
| <b>III. PHÒNG KINH TẾ</b>         |       |  |                   |  |         |
| 06                                | .KT   | Tài liệu xin chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, thi công - nghiệm thu, phê duyệt kết quả đấu thầu và hợp đồng kinh tế, hoàn công, quyết toán công trình (Nhóm C) | 50 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hàng                                  | Giấy    |
| 07                                | .KT   | Tài liệu mời thầu, đấu thầu và hồ sơ dự thầu trúng thầu (Nhóm C)   | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Bùi Thị Út Hàng                                  | Giấy    |
| 08                                | .KT   | Hồ sơ công trình sửa chữa nhỏ  | 10 năm            | Lê Hồng Lĩnh; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị Thanh Sen | Giấy    |

| Số và ký hiệu hồ sơ |     | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                              | Thời hạn bảo quản     | Người lập hồ sơ  | Ghi chú |
|---------------------|-----|--|-----------------------|--|---------|
| 09                  | .KT | Hồ sơ quy hoạch, quản lý quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất | 10 năm                | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung;   | Giấy    |
| 10                  | .KT | Hồ sơ giá đất, xây dựng giá đất cụ thể                   | Vĩnh viễn             | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung;   | Giấy    |
| 11                  | .KT | Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, đấu giá QSD đất            | Vĩnh viễn             | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung;   | Giấy    |
| 12                  | .KT | Hồ sơ tích Tụ ruộng đất                                  | Vĩnh viễn             | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung;   | Giấy    |
| 13                  | .KT | Hồ sơ thu hồi đất, bồi thường GPMB                       | Vĩnh viễn             | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị Thanh Sen; Lê Thị Trinh; Lê Xuân Thanh | Giấy    |
| 14                  | .KT | Lĩnh vực khác  | Theo hiệu lực văn bản | Lê Hồng Lĩnh; Trần Quốc Việt; Bùi Thị Út Hằng; Nguyễn Thị Nhân; Hồ Bá Trung; Trần Thị Thanh Sen; Lê Thị Trinh; Lê Xuân Thanh | Giấy    |

*Danh mục hồ sơ này có 14 hồ sơ giấy, bao gồm:*  
+ 09 hồ sơ vĩnh viễn  
+ 05 hồ sơ có thời hạn

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**